TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ K** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự Do – Hạnh phúc**

Bản án số:06/2021/DS-ST
Ngày: 24 - 9 - 2021
V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng, xử lý tài sản thế chấp"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ K – TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền

Các Hội thẩm nhân dân : Ông Phạm Văn Biên

Bà Nguyễn Thị Lựu

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Hiền Lương - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã K.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã K tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thúy Diệp - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2021, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thị xã K xét xử sơ thẩm C khai vụ án dân sự thụ lý số 14/2021/TLST-DS ngày 15 tháng 4 năm 2011 về việc tranh chấp *" Hợp đồng tín dụng, yêu cầu xử lý tài sản thế chấp*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2021/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 8 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2021/QĐST-DS ngày 30/8/2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam (V)

Địa chỉ: Tầng M, Tòa nhà H2, số 25 L1, Quận H1, TP.Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hàn Ngọc Vũ, chức vụ: Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam (V)

Người được ủy quyền: Ông Vũ Xuân H, chức vụ: Cán bộ Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam; Địa chỉ L hệ: Tầng M, Tòa nhà H2, số 25 Lý Thường Kiệt, Quận H1, TP.Hà Nội. Có mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1969 và bà Mạc Thị L, sinh năm 1973; Đều có địa chỉ: Phường A, thị xã K, tỉnh Hải Dương. Đều có mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan:* Ông Đỗ Trường G, sinh năm 1975 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1975; Đều có địa chỉ: Phường A, thị xã K, tỉnh Hải Dương. Đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25 tháng 02 năm 2011 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam (gọi tắt là Ngân hàng V) xác định: Ngày 01/02/2008, ông Nguyễn Văn C và bà Mạc Thị L ký Hợp đồng tín dụng số 120/01-08/TH/TAU với nội dung: Ngân hàng V cho ông Nguyễn Văn C và bà Mạc Thị L vay số tiền 1 tỷ đồng, thời hạn vay là 60 tháng, lãi suất vay là 1,15%/tháng, điều chỉnh 6 tháng/lần. Mục đích vay là để bổ sung vốn mua mới sà lan tự hành chở hàng khô, phục vụ kinh doanh vận tải thủy lấy cước. Tài sản đảm bảo cho khoản vay là 01 tàu tự hành Phương Nam – 334, số đăng ký HN – 0453, do Sở Giao thông vận tải thành phố Hà Nội cấp ngày 6/12/2005 cho chủ phương tiện là C ty TNHH TM DV V2, đã chuyển quyền sở hữu cho ông Đỗ Trường G. Được đăng ký tại Hợp đồng thế chấp tàu biển số 120/2008/HĐTC/VHT ngày 02/02/2008. Ngày 4/2/2008, V đã giải ngân cho ông C và bà L theo giấy khế ước nhận nợ số 120/KUNN1, với số tiền là 1 tỷ đồng. Quá trình thanh toán nợ ông C, bà L đã thanh toán được 50.000.000 đồng tiền gốc, còn lại không thực hiện theo nội dung hợp đồng tín dụng đã cam kết. Do vậy, toàn bộ khoản vay của ông C, bà L đã chuyển sang nợ quá hạn từ ngày 20/8/2008. Tổng dư nợ quá hạn của ông C, bà L được tính kể từ ngày thực hiện hợp đồng cho đến nay (ngày 24/9/2021) là 3.615.941.729 đồng, trong đó: nợ gốc là 950.000.000đ, nợ lãi trong hạn là 342.382.094đ, nợ lãi quá hạn là 2.323.559.635đ. Do vậy, Ngân hàng V yêu cầu, ông C và bà L phải có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng số 120/01-08/TH/TAU ngày 01/02/2008 và đề nghị tiếp tục tính lãi quá hạn cho đến khi thanh toán xong khoản nợ theo quy định tại hợp đồng tín dụng đã ký. Trường hợp ông C, bà L không trả được nợ hoặc chỉ trả được một phần khoản nợ thì yêu cầu buộc bên thế chấp phải thực hiện nghĩa vụ theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng thế chấp để thanh toán trả nợ cho V.

Ông Nguyễn Văn C trình bày: Do có quan hệ phố xá với vợ chồng ông Đỗ Trường G và bà Nguyễn Thị H, nên ông G có đặt vấn đề với ông đứng tên vay tại Hợp đồng tín dụng số 120/01-08/TH/TAU, ngày 01/02/2008 của Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam (gọi tắt là Ngân hàng V). Ông suy nghĩ tài sản thế chấp là của vợ chồng ông G, bà H là tài sản đảm bảo cho nguồn tiền vay, nên ông đã ký Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng thế chấp và khế ước nhận nợ theo nội dung đơn khởi kiện của Ngân hàng V như đã trình bày trên. Gia đình ông không L quan gì đến mục đích vay theo như Hợp đồng tín dụng số 120/01-08/TH/TAU, ngày 01/02/2008 thể hiện là bổ sung vốn mua mới sà lan tự hành chở hàng khô, phục vụ kinh doanh vận tải thủy lấy cước. Toàn bộ nguồn tiền vay là do vợ chồng ông G và bà H sử dụng, cũng như số tiền thanh toán cho Ngân hàng thuộc trách nhiệm của vợ chồng ông G, bà H. Do vậy, ông không nhất trí trả nợ theo nội dung yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng V, ông đề nghị ông G và bà H phải có trách nhiệm thanh toán trả nợ cho Ngân hàng cũng như có trách nhiệm theo Hợp đồng thế chấp đã nêu.

Bà Mạc Thị L trình bày: Bà không vay, không ký Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng thế chấp theo như nội dung yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng V. Bà không biết việc ông C (chồng bà) thực hiện những nội dung như ông C đã trình bày (chỉ sau này Ngân hàng yêu cầu, Tòa án thụ lý vụ án bà mới biết). Do vậy, bà không chịu trách nhiệm thanh toán theo yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng V như đã nêu.

Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết ông Đỗ Trường G và bà Nguyễn Thị H trình bày:

Theo yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng V, ông G và bà H thừa nhận, có nhờ vợ chồng ông C và bà L ký hợp đồng tín dụng tại Ngân hàng để cho ông bà sử dụng số tiền 1 tỷ đồng vay nói trên. Nay Ngân hàng yêu cầu kiện đòi số nợ theo như Hợp đồng tín dụng đã nêu, thì ông G và bà H đề nghị có trách nhiệm thanh toán, trả nợ thay cho ông C, bà L số tiền theo yêu cầu của Ngân hàng. Còn tài sản thế chấp là con tàu tự hành Phương Nam–334, số đăng ký HN – 0453, do Sở Giao thông vận tải thành phố Hà Nội cấp ngày 6/12/2005 cho chủ phương tiện là C ty TNHH TM DV V2 đã được hoán đổi thành con tàu HD – 0733 cấp ngày 01/4/2008 mang tên chủ phương tiện Đỗ Trường G. Ông G đã cho thuê hút cát tại Campuchia (hiện không cung cấp được tài liệu căn cứ).

Quá trình Tòa án thu thập tài liệu, căn cứ chứng minh:

Tại Kết luận trưng cầu giám định số 33/QĐ ngày 18/10/2011 của Phòng kỹ thuật C an tỉnh Hải Dương kết luận: chữ ký, chữ viết của chị Mạc Thị L tại Hợp đồng tín dụng số 120/01-08/TH/TAU ngày 01/02/2008 và Hợp đồng thế chấp tàu biển số 120/2008/HĐTC/VHT ngày 02/02/2008 với chữ ký cùng tên trên các tài liệu mẫu so sánh "là không phải do cùng một người ký ra".

Tại hồ sơ vay vốn, Ngân hàng V xuất trình Sổ kiểm tra kỹ thuật phương tiện thủy nội địa HD – 0733 và Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện thủy nội địa, tên phương tiện là HD – 0733, chủ phương tiện là Đỗ Trường G.

Tại C văn số 161 ngày 03/4/2018 và C văn số 86/CV ngày 06/01/2020, của Cơ quan cảnh sát điều tra C an thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh đã thông báo về kết quả giải quyết nguồn tin về tội phạm theo nội dung chuyển hồ sơ vụ án dân sự của Tòa án huyện K (nay là thị xã K) không có dấu hiệu hình sự trong vụ án.

Việc tàu tự hành Phương Nam-334, tài liệu của Cơ quan cảnh sát điều tra C an thị xã Đông Triều thể hiện: ông G sửa chữa, hoán cải đến ngày 02/5/2008 Chi cục đăng kiểm Hải H cấp Giấy chứng nhận ATKT và BVMT phương tiện thủy nội địa số:00189/08V34, tên phương tiện HD-0731, số ĐKHC-HD-0731 cho chủ phương tiện là anh Đỗ Trường G.

Tại phiên tòa, Ngân hàng V khẳng định đã bàn giao giấy đăng ký của con tàu tự hành Phương Nam HN-334, số đăng ký HN – 0453 cho khách hàng để làm thủ tục đăng ký, đăng kiểm tàu. Do vậy, ông G đã hoán đổi con tàu tự hành Phương Nam HN-334, số đăng ký HN – 0453 thành tàu HD – 0733 và xuất trình sổ kiểm tra

kỹ thuật phương tiện thủy nội địa HD – 0733 và giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện thủy nội địa tên phương tiện HD – 0733 (được lưu tại Hồ sơ vay vốn của Ngân hàng). Quá trình hoán đổi lại con tàu, ông G không xuất trình giấy đăng ký mới nên Ngân hàng không làm thủ tục đăng ký thế chấp mới đối với con tàu đã được hoán đổi, từ tàu tự hành Phương Nam HN – 0453 thành tầu HD – 0733 mang tên chủ phương tiện là ông Đỗ Trường G. Ngân hàng V không chấp nhận ý kiến của ông G, bà H và giữ nguyên nội dung yêu cầu khởi kiện. Bị đơn, ông C và bà L giữ nguyên quan điểm đã đề nghị và bà L tự nguyện có trách nhiệm nộp tiền chi phí giám định là 2.000.000 đồng (theo biên lai thu tiền ngày 08/11/2011 của Phòng kỹ thuật hình sự-C an tỉnh Hải Dương).

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Đối với Nguyên đơn, Bị đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, riêng Người có quyền lợi nghĩa vụ L quan cơ bản chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về đường lối giải quyết, đề nghị: Áp dụng Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng 2010; Điều 127, 128, 290, 342, 343, 344, 348, 349, 350, 351, 355, 471, 474, 476, 478 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 147, Điều 161, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 48 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

- Xác định hợp đồng tín dụng số 120/01-08/TH/TAU ngày 01/02/2008 vô hiệu một phần. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam. Buộc ông Nguyễn Văn C phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày 24/9/2021 là 3.615.941.729 đồng, trong đó: nợ gốc: 950.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 342.382.094 đồng, nợ lãi quá hạn: 2.323.559.635 đồng. Kể từ ngày 25/9/2021, ông C tiếp tục chịu lãi theo thỏa thuận của Hợp đồng tín dụng số 120/01 – 08/TH/TAU ngày 01/02/2008 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ hợp đồng tín dụng cho Ngân hàng V.

- Xác định hợp đồng thế chấp số 120/2008/HĐTC/VHT ngày 02/02/2008 vô hiệu. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam về việc yêu cầu người có quyền lợi nghĩa vụ L quan thực hiện hợp đồng thế chấp.

- Về án phí và chi phí giám định: Buộc ông Nguyễn Văn C phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Chấp nhận sự tự nguyện của bà L về chi phí giám định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng V về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng, xử lý tài sản thế chấp đối với bị đơn ông Nguyễn Văn C và bà Mạc Thị L; Người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan ông Đỗ Trường G và bà Nguyễn

Thị H; Đều có địa chỉ: Phường A, thị xã K, tỉnh Hải Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã K thụ lý, giải quyết theo thẩm quyền là phù hợp.

Quá trình Tòa án triệu tập hợp lệ đưa vụ án ra xét xử đối với ông Đỗ Trường G và bà Nguyễn Thị H, tại phiên tòa ông G và bà H đều vắng mặt. HĐXX áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt ông G và bà H theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng V thì thấy: Tại hợp đồng tín dụng số 120/01 – 08/TH/TAU ngày 01/02/2008 và Hợp đồng thế chấp tàu biển số 120/2008/HĐTC/VHT ngày 02/02/2008 của Ngân hàng TMCP V, bà Mạc Thị L không thừa nhận chữ ký, chữ viết tại Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng thế chấp, không chấp nhận trả nợ cùng ông Nguyễn Văn C. Tại kết luận trưng cầu giám định số 33/QĐ ngày 18/10/2011 của Phòng kỹ thuật C an tỉnh Hải Dương kết luận: chữ ký, chữ viết tại hợp đồng và mẫu chữ ký, chữ viết trên các tài liệu mẫu so sánh không phải do một người cùng ký ra. Nên quyền và nghĩa vụ của bà Mạc Thị L không phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số 120/01 – 08/TH/TAU ngày 01/02/2008 và Hợp đồng thế chấp tàu biển số 120/2008/HĐTC/VHT ngày 02/02/2008 đối với Ngân hàng V, cần phải xác định Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng thế chấp nêu trên bị vô hiệu đối với phần quyền và nghĩa vụ của bà Mạc Thị L. Do vậy, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng V buộc bà Mạc Thị L phải có trách nhiệm thanh toán trả nợ cho ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng thế chấp nêu trên không có cơ sở để chấp nhận.

Quá trình hòa giải và tại phiên tòa yêu cầu của ông C không được Ngân hàng chấp nhận. Xét nội dung của Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng thế chấp, Khế ước nhận nợ đối với Ngân hàng V ông C đã thực hiện, không vi phạm pháp luật, cần buộc ông C phải có trách nhiệm thanh toán trả nợ cho Ngân hàng V theo nội dung của Hợp đồng tín dụng số 120/01 – 08/TH/TAU ngày 01/02/2008 là phù hợp.

Đối với hợp đồng thế chấp tài sản, Ngân hàng V xuất trình tài liệu tài sản thế chấp: con tàu tự hành Phương Nam HN–334, số đăng ký HN – 0453 chủ phương tiện là C ty TNHH TM DV V2, đã chuyển quyền sở hữu cho ông Đỗ Trường G và được hoán đổi thành tàu HD – 0733 mang tên chủ phương tiện là ông Đỗ Trường G, tài liệu hiện đang lưu trữ tại Ngân hàng V là sổ kiểm tra kỹ thuật phương tiện thủy nội địa HD – 0733 và giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện thủy nội địa tên phương tiện HD – 0733. Quá trình hoán đổi lại con tàu, Ngân hàng V khẳng định: ông G không xuất trình giấy đăng ký mới nên Ngân hàng V đã không làm thủ tục đăng ký thế chấp mới đối với con tàu HD – 0733 mang tên chủ phương tiện là ông Đỗ Trường G. Do vậy, việc không làm thủ tục đăng ký thế chấp mới đối với con tầu được hoán đổi, đã vi phạm Điều 7 của Hợp đồng thế chấp tàu biển số 120/2008/HĐTC/VHT ngày 02/02/2008 giữa Ngân hàng V, bên vay vốn và bên nhận thế chấp, nên không có căn cứ để xử lý tài sản bảo đảm theo yêu cầu

khởi kiện của Ngân hàng V đối với Hợp đồng thế chấp tàu biển số 120/2008/HĐTC/VHT ngày 02/02/2008.

Đối với việc Tòa án huyện K (nay là thị xã K) đã chuyển hồ sơ vụ án dân sự đến Cơ quan cảnh sát điều tra C an thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh để xem xét hành vi có dấu hiệu hình sự trong vụ án. Cơ quan cảnh sát điều tra C an thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh đã có C văn trả lời số 161 ngày 03/4/2018 và C văn trả lời số 86/CV ngày 06/01/2020. Do vậy, TAND thị xã K giải quyết vụ án dân sự theo thẩm quyền.

[3] Về chi phí giám định: Tại phiên tòa, bà L tự nguyện có trách nhiệm thanh toán số tiền 2.000.000đ, nên chấp nhận.

[4] Về án phí: Bị đơn (ông C) phải chịu án phí theo quy định. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng V.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 122, 125, 127, 135, 342, 343, 344, 348, 349, 350, 351, 471, 474, 476, 478 BLDS năm 2005; Khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 147; Điều 161; khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 48 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Xử :

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam (V) đối với ông Nguyễn Văn C. Buộc ông Nguyễn Văn C phải có nghĩa vụ thanh toán trả nợ cho Ngân hàng V theo hợp đồng tín dụng số 120/01 – 08/TH/TAU ngày 01/02/2008 với tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 24/9/2021 là 3.615.941.729 đồng *(trong đó: nợ gốc là 950.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 342.382.094 đồng, nợ lãi quá hạn là 2.323.559.635 đồng).* Kể từ ngày 25/9/2021, ông C tiếp tục chịu lãi theo thỏa thuận của Hợp đồng tín dụng số 120/01 – 08/TH/TAU ngày 01/02/2008 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ hợp đồng tín dụng cho Ngân hàng V.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng V buộc bà Mạc Thị L phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng số 120/01 – 08/TH/TAU ngày 01/02/2008. Tuyên bố Hợp đồng tín dụng số 120/01 – 08/TH/TAU ngày 01/02/2008, Hợp đồng thế chấp tàu biển số 120/2008/HĐTC/VHT ngày 02/02/2008 đối với phần quyền và nghĩa vụ của bà Mạc Thị L là vô hiệu.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng V buộc bên thế chấp tài sản (người có quyền lợi nghĩa vụ L quan) thực hiện nghĩa vụ xử lý tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp tàu biển số 120/2008/HĐTC/VHT ngày 02/02/2008.

4. Về chi phí tố tụng: Chấp nhận sự tự nguyện chịu chi phí giám định của bà Mạc Thị L đối với số tiền 2.000.000 đồng (đã trả).

5. Về án phí: Buộc ông Nguyễn Văn C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 104.318.834 đồng . Chi cục thi hành án dân sự thị xã K hoàn trả lại cho Ngân hàng

V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 25.700.000 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2011/0001737 ngày 14/4/2011.

6. Quyền kháng cáo: □n xử sơ thẩm công khai có mặt nguyên đơn, bị đơn; vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan. Tòa án báo cho nguyên đơn, bị đơn biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc ngày bản án được niêm yết. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chỉ được kháng cáo những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND thị xã K;
- Chi cục THADS thị xã K;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ ,VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hiền